

Bản án số: 28/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 21/6/2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Thắng

2. Ông Lục Viết Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên

Ngày 21/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2019 về việc “*xin ly hôn, nuôi con chung*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày: 21/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/ QĐST-DS, ngày 6/6/2019 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Ng, (tên gọi khác Bùi Thị Ánh Ng) sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ L, xã Đ K, huyện Y Th, tỉnh B G.

Nơi ở: thôn S, xã T S, huyện Y Th, tỉnh B Gi.

+ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ L, xã Đ K, huyện Y Th, tỉnh B G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện chị Bùi Thị Ng trình bày: Chị và anh Q trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ K vào ngày 14/3/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, anh Q không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xảy ra bất đồng, cãi nhau và

sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chỉ xin ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung Nguyễn Minh Đăng sinh ngày 11/01/2004 và Nguyễn Thị Hải Ch, sinh ngày 28/8/2008, khi ly hôn chị xin nuôi cháu Ch không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chị không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập anh Q không chấp hành, qua xác minh tại gia đình và địa phương cho biết anh Q và chị Ng kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ K, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoàn thuận, hạnh phúc và sinh được 2 người con là Nguyễn Minh Đăng và Nguyễn Thị Hải Ch, hiện nay cháu Đ đang ở với anh Q, cháu Ch đang ở với chị Ng. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng mãi chơi không tú trí làm ăn, đến tháng 6/2018 vợ chồng mâu thuẫn chị Ng đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở Tân Sỏi sinh sống, anh Q đi làm ăn sáng sớm đã đi khỏi nhà đến tối mới về. Địa phương đã giao các văn bản của Tòa án cho anh Q nhưng anh Q không chấp hành. Về tài sản, công nợ không thấy anh chị đó có gì.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Bị đơn: Chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, điều 56; Điều 57; Điều 58; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 1, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ng: xử cho chị Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung; Tài sản, công nợ chị Ng không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

- Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Bùi Thị Ng và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình, xin ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q có địa chỉ Đ K, huyện Y Th, nên vụ án thuộc thẩm q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y T theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35; điểm a, khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Q vắng mặt lần thứ 2 căn cứ khoản b, khoản 2 điều 227 Bộ luật Tổ tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Q.

[2] Về nội dung: Chị Bùi Thị Ng kết hôn cùng anh Nguyễn Văn Q ngày 14/3/2003 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ K, huyện Y Th, tỉnh B G là hôn nhân hợp pháp theo điều 9 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Qua lời khai của chị Ng cũng như địa phương xã Đ K cung cấp. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do cả hai không tu trí làm ăn, anh Q mãi chời không quan tâm đến vợ, con vì vậy vợ chồng hay xảy ra xích mích cãi chửi nhau, chị Nguyễn đã về nhà mẹ đẻ ở Tân Sỏi sinh sống từ tháng 6/2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị Ng xin ly hôn, Phía anh Q mặc dù đã được thông báo nhưng anh Q không đến Tòa án và không có ý kiến. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được lên yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Ng là có căn cứ chấp nhận theo điều 56 luật hôn nhân gia đình xử cho chị Ng được ly hôn anh Q.

Về con chung: Về con chung có 2 con chung Nguyễn Minh Đ sinh ngày 11/01/2004 và Nguyễn Thị Hải Ch, sinh ngày 28/8/2008, khi ly hôn chị Ng không yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chị không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Ng phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

Về q kháng cáo: Các đương sự có q kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án

Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Ng được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về tiền án phí: Chị Bùi Thị Ng phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp tại biên lai số:

0004334, ngày 22/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị Ng đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Canh Nậu.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

